

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 100/2009/NĐ-CP ngày 03/11/2009 của Chính phủ quy định thu phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng

Căn cứ Luật Dầu khí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 100/2009/NĐ-CP ngày 03/11/2009 của Chính phủ quy định thu phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định thu phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn thu phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng.

2. Nhà thầu dầu khí theo quy định tại Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài tiến hành hoạt động dầu khí tại Việt Nam theo quy định của Luật Dầu khí (sau đây gọi chung là nhà thầu).

Điều 2. Người nộp phụ thu

1. Đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng chia sản phẩm, người nộp phụ thu là người điều hành thay mặt các nhà thầu dầu khí tham gia hợp đồng.

2. Đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng điều hành chung, người nộp phụ thu là công ty điều hành chung thay mặt các nhà thầu dầu khí tham gia hợp đồng.

3. Đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng liên doanh, người nộp phụ thu là doanh nghiệp liên doanh thay mặt các nhà thầu dầu khí tham gia hợp đồng.

4. Đối với trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tự tiến hành hoạt động dầu khí, người

nộp phụ thu là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Đồng tiền nộp phụ thu

1. Trường hợp dầu thô được bán bằng đô la Mỹ hoặc tiền ngoại tệ tự do chuyển đổi thì đồng tiền nộp phụ thu là đô la Mỹ hoặc tiền ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Trường hợp dầu thô được bán bằng tiền đồng Việt Nam thì đồng tiền nộp phụ thu là đồng Việt Nam.

3. Trường hợp dầu thô được bán vừa bằng đô la Mỹ hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi, vừa bằng đồng Việt Nam thì đồng tiền nộp phụ thu là đồng Việt Nam.

4. Việc quy đổi từ đô la Mỹ hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi sang đồng Việt Nam để nộp thuế được thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp phụ thu.

Điều 4. Địa điểm đăng ký, khai, nộp phụ thu

Địa điểm đăng ký, khai, nộp phụ thu là Cục Thuế địa phương nơi người nộp phụ thu đặt văn phòng điều hành chính, trừ trường hợp đăng ký, khai, nộp phụ thu tại địa điểm khác thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Điều 5. Đối tượng chịu phụ thu

Toàn bộ sản lượng dầu lõi được chia theo quý của nhà thầu là đối tượng chịu phụ thu. Trong đó:

1. Dầu lõi là dầu thô còn lại sau khi trừ dầu thuế tài nguyên và dầu thu hồi chi phí từ sản lượng dầu thực theo quy định của Luật Dầu khí. Trường hợp hợp đồng dầu khí không thỏa thuận về tỷ lệ thu hồi chi phí thì tỷ lệ thu hồi chi phí để làm căn cứ xác định dầu lõi quy định tại khoản này là 35%, trừ những mỏ vẫn tiếp tục khai thác sau khi kết thúc hợp đồng dầu khí.

2. Dầu lõi được chia theo quý của nhà thầu là phần dầu lõi theo quy định tại khoản 1 Điều này được phân bổ cho nhà thầu dầu khí theo hợp đồng dầu khí đã được ký kết.

3. Đối với trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tự tiến hành hoạt động dầu khí thì đối tượng chịu phụ thu là toàn bộ sản lượng dầu lõi thu được theo quý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 6. Xác định số phụ thu phải nộp

1. Đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư: Số phụ thu phải nộp theo quý theo mức 30% đối với sản lượng dầu lõi được chia theo quý của nhà thầu khi giá

bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 20% xác định như sau:

$$\text{Số phụ thu phải nộp theo quý} = 30\% \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right) \times \text{Sản lượng dầu lõi} \\ \text{được chia theo} \\ \text{quý của nhà thầu}$$

Trong đó:

a) Giá bán dầu thô trung bình của quý là giá do nhà thầu tự tính toán căn cứ vào số liệu thống kê giá bán thực tế hàng ngày của từng quý. Trong đó:

- Quý I tính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3;
- Quý II tính từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6;
- Quý III tính từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9;
- Quý IV tính từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12.

b) Giá cơ sở của năm tương ứng là mức giá dự tính trong kế hoạch phát triển mỏ đã được phê duyệt tương ứng với năm thực hiện. Trường hợp kế hoạch phát triển mỏ được phê duyệt sửa đổi, bổ sung so với kế hoạch phát triển mỏ ban đầu thì giá cơ sở của năm tương ứng là mức giá dự tính trong kế hoạch phát triển mỏ đã được phê duyệt sửa đổi, bổ sung tương ứng với năm thực hiện. Đối với những mỏ vẫn tiếp tục khai thác sau khi kết thúc hợp đồng dầu khí áp dụng theo giá cơ sở của năm cuối cùng của hợp đồng dầu khí.

c) Dự án dầu khí khuyến khích đầu tư là dự án tiến hành các hoạt động dầu khí tại vùng nước sâu, xa bờ, khu vực có điều kiện địa lý đặc biệt khó khăn, địa chất phức tạp và các khu vực khác theo danh mục các lô do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ví dụ: Xác định số phụ thu phải nộp đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư:

Giá sử:

- Giá cơ sở của năm: 50 USD/thùng.
- Sản lượng của mỏ: 24 triệu thùng/năm.
- Dầu thu hồi chi phí: 35%/Doanh thu.
- Thuế tài nguyên: 8%/Doanh thu.
- Lãi chia cho nước chủ nhà: 50%.
- Nhà thầu được chia: 50%.

Với giá định như trên thì phần chia dầu lõi của nhà thầu dầu khí trung bình của một quý được xác định như sau:

Stt	Chỉ tiêu	%/DThu	Quy dầu (thùng)
1	Sản lượng khai thác năm (thùng)		24.000.000
2	Sản lượng BQ 1 quý (thùng)		6.000.000

Stt	Chỉ tiêu	%/DThu	Quy dầu (thùng)
3	Dầu thu hồi chi phí	35,0%	2.100.000
4	Thuế tài nguyên	8,0%	480.000
5	Dầu lãi = (2) – (3) – (4)	57,0%	3.420.000
6	Lãi chia cho nước chủ nhà = 50% x (5)	28,5%	1.710.000
7	Nhà thầu được chia = 50% x (5)	28,5%	1.710.000

Giá dầu thô trong năm dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Giá TB tháng (USD/thùng)	48	50	51	54	56	58	61	63	65	70	80	90
Giá TB quý (USD/thùng)	49,67			56			63			80		
So với giá cơ sở (lần)	0,99			1,12			1,26			1,6		

Theo số liệu trên thì Nhà thầu phải nộp phụ thu cho quý III và quý IV, được tính toán cụ thể như sau:

Quý III:

$$\begin{aligned}
 \text{Số phụ thu phải nộp quý III} &= 30\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lãi} \\
 &= 30\% \times \left[\begin{array}{l} \mathbf{63} \\ \mathbf{63} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \mathbf{50} \\ \mathbf{60} \end{array} \right] \times \text{được chia theo} \\
 &= 30\% \times \begin{array}{l} \mathbf{3} \end{array} \times \text{quý của nhà thầu} \\
 &= \mathbf{1.539.500 \text{ (USD)}}
 \end{aligned}$$

Quý IV:

$$\begin{aligned}
 \text{Số phụ thu phải nộp quý IV} &= 30\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lãi} \\
 &= 30\% \times \left[\begin{array}{l} \mathbf{80} \\ \mathbf{80} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \mathbf{50} \\ \mathbf{60} \end{array} \right] \times \text{được chia theo} \\
 &= 30\% \times \begin{array}{l} \mathbf{3} \end{array} \times \text{quý của nhà thầu} \\
 &= \mathbf{1.710.000}
 \end{aligned}$$

$$= 30\% \times 20 \times 1.710.000$$

$$= 10.260.500 \text{ (USD)}$$

$$\text{Cả năm} = \text{Quý III} + \text{Quý IV} = 1.539.500 + 10.260.500 = 11.800.000 \text{ (USD)}$$

2. Đối với dự án dầu khí không thuộc khoản 1 Điều này: Số phụ thu phải nộp theo quý theo mức thu phụ thu lũy tiến từng phần xác định như sau:

a) Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 20% đến 50%, số phụ thu phải nộp theo quý xác định như sau:

$$\text{Số phụ thu phải nộp theo quý} = 50\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lõi} \\ \text{được chia theo} \\ \text{quý của nhà thầu}$$

Trong đó:

- Giá bán dầu thô trung bình của quý là giá do nhà thầu tự tính toán căn cứ vào số liệu thống kê giá bán thực tế hàng ngày của từng quý theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này, nhưng tối đa là 150% giá cơ sở của năm tương ứng.

- Giá cơ sở của năm tương ứng thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

b) Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 50%, số phụ thu phải nộp theo quý được xác định như điểm a khoản này và cộng thêm phần phụ thu được tính như sau:

$$\text{Số phụ thu phải} \\ \text{nộp tương ứng với} \\ \text{phần giá bán dầu} \\ \text{thô trung bình của} \\ \text{quý cao hơn giá cơ} \\ \text{sở trên 50\%} = 60\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán} \\ \text{dầu thô} \\ \text{trung bình} \\ \text{của quý} \end{array} - 1,5 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ} \\ \text{sở của} \\ \text{năm} \\ \text{tương} \\ \text{ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng} \\ \text{dầu lõi được} \\ \text{chia theo} \\ \text{quý của nhà} \\ \text{thầu}$$

Trong đó:

- Giá bán dầu thô trung bình của quý là giá do nhà thầu tự tính toán căn cứ vào số liệu thống kê giá bán thực tế hàng ngày của từng quý theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này, nhưng áp dụng với mức cao hơn 150% giá cơ sở của năm tương ứng.

- Giá cơ sở của năm tương ứng thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Ví dụ: Xác định số phụ thu phải nộp đối với dự án dầu khí không là dự án

khuyến khích đầu tư: Với giả định các chỉ tiêu như ví dụ nêu tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này, nhưng không phải dự án đầu tư dầu khí khuyến khích đầu tư thì nhà thầu phải nộp phụ thu cho quý III và quý IV, được tính toán cụ thể như sau:

Quý III:

$$\begin{aligned}
 \text{Số phụ thu phải nộp quý III} &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lãi} \\
 &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} 63 \\ - 1,2 \times 50 \end{array} \right] \times \text{được chia theo} \\
 &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} 63 \\ - 60 \end{array} \right] \times \text{quý của nhà thầu} \\
 &= 50\% \times 3 \times 1.710.000 \\
 &= \mathbf{2.565.500 \text{ (USD)}}
 \end{aligned}$$

Quý IV:

- Số phụ thu phải nộp theo mức 50% khi giá bán dầu thô trung bình của quý tăng cao hơn giá cơ sở đến 50%:

$$\begin{aligned}
 \text{Số phụ thu phải nộp quý IV} &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lãi} \\
 &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} 150\% \times 50 \\ - 1,2 \times 50 \end{array} \right] \times \text{được chia theo} \\
 &= 50\% \times \left[\begin{array}{l} 75 \\ - 60 \end{array} \right] \times \text{quý của nhà thầu} \\
 &= 50\% \times 15 \times 1.710.000 \\
 &= \mathbf{12.825.000 \text{ (USD)}}
 \end{aligned}$$

- Số phụ thu phải nộp theo mức 60% khi giá bán dầu thô trung bình của quý tăng cao hơn 50% giá cơ sở:

$$\begin{aligned}
 \text{Số phụ thu phải nộp quý IV} &= 60\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,5 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu lãi} \\
 &= 60\% \times \left[\begin{array}{l} 80 \\ - 1,5 \times 50 \end{array} \right] \times \text{được chia theo} \\
 &= 60\% \times \left[\begin{array}{l} 80 \\ - 75 \end{array} \right] \times \text{quý của nhà thầu}
 \end{aligned}$$

$$= 60\% \times 5 \times 1.710.000$$

$$= 5.130.000 \text{ (USD)}$$

- Số phụ thu phải nộp quý IV = 12.825.000 + 5.130.000 = **17.955.000 (USD)**

Cả năm = Quý III + Quý IV = 2.565.500 + 17.955.000 = **20.520.500 (USD)**

Điều 7. Khai, nộp phụ thu

1. Khai, nộp phụ thu tạm tính

a) Xác định số phụ thu tạm tính:

- Đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư: Số phụ thu tạm tính phải nộp theo quý xác định như sau:

$$\text{Số phụ thu tạm tính phải nộp theo quý} = 30\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu} \\ \text{lãi được chia} \\ \text{theo quý tạm} \\ \text{tính của nhà thầu}$$

Trong đó: Sản lượng dầu lãi được chia theo quý tạm tính của nhà thầu được xác định theo quy định của pháp luật về dầu khí là tạm tính vào thời điểm lấy dầu, bằng cách dùng khối lượng ước tính sản lượng dầu thực sẵn có để lấy cho quý đó trên cơ sở lịch trình khai thác cho quý đó. Các chỉ tiêu khác vẫn được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

- Đối với dự án không phải là dự án dầu khí khuyến khích đầu tư: Số phụ thu tạm tính phải nộp theo quý theo mức thu phụ thu lũy tiến từng phần được xác định như sau:

+ Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 20% đến 50%:

$$\text{Số phụ thu tạm tính phải nộp theo quý} = 50\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,2 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu} \\ \text{lãi được chia} \\ \text{theo quý tạm} \\ \text{tính của nhà thầu}$$

+ Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 50%:

$$\text{Số phụ thu tạm tính phải nộp theo quý} = 60\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá bán dầu} \\ \text{thô trung} \\ \text{bình của quý} \end{array} - 1,5 \times \begin{array}{l} \text{Giá cơ sở} \\ \text{của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right] \times \text{Sản lượng dầu} \\ \text{lãi được chia} \\ \text{theo quý tạm} \\ \text{tính của nhà thầu}$$

Trong đó: Sản lượng dầu lõi được chia theo quý tạm tính của nhà thầu được xác định theo quy định của pháp luật về dầu khí là tạm tính vào thời điểm lấy dầu, bằng cách dùng khối lượng ước tính sản lượng dầu thực sản cố để lấy cho quý đó trên cơ sở lịch trình khai thác cho quý đó. Các chỉ tiêu khác vẫn được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

b) Khai, nộp phụ thu tạm tính:

- Căn cứ sản lượng dầu thô, dự kiến khai thác hàng năm, sản lượng dầu lõi được chia theo quý tạm tính, giá cơ sở của năm và giá bán dầu thô trung bình của quý trước, người nộp phụ thu tự xác định số phụ thu tạm tính phải nộp của quý theo Tờ khai phụ thu tạm tính theo mẫu số 01/PTHU-DK ban hành, kèm theo Thông tư này và nộp hồ sơ cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo. Trường hợp ngày thứ 30 là ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết (sau đây gọi chung là ngày nghỉ) thì thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó. Trường hợp thời gian tính phụ thu của quý đầu tiên hoặc quý cuối cùng có thời gian nhỏ hơn hoặc bằng 01 tháng thì được cộng vào quý tính phụ thu tiếp theo hoặc quý tính phụ thu cuối cùng để hình thành một quý tính phụ thu.

- Thời hạn nộp phụ thu tạm tính: Như thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính quy định tại điểm này.

2. Quyết toán phụ thu

a) Xác định số phụ thu phải nộp: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này.

b) Xác định số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong năm:

Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong năm	=	Số phụ thu phải nộp theo quý của cả năm	-	Số phụ thu tạm tính đã nộp của cả năm	-	Số phụ thu nộp thừa của năm trước (nếu có)
--	---	---	---	---	---	--

c) Hồ sơ khai quyết toán phụ thu gồm:

- Tờ khai quyết toán phụ thu theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: Mẫu số 02/PTHU-DK áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư; mẫu số 03/PTHU-DK áp dụng đối với các dự án dầu khí khác;

- Bảng kê sản lượng và giá bán dầu thô khai thác theo mẫu số 04/PTHU-DK ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê số phụ thu tạm tính đã nộp theo mẫu số 05/PTHU-DK ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu:

- Chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Chậm nhất là ngày thứ 45, kể từ ngày kết thúc hợp đồng dầu khí.

Trường hợp ngày thứ 90 hoặc ngày thứ 45 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.

đ) Nộp phụ thu theo hồ sơ khai quyết toán phụ thu:

- Nếu số phụ thu tạm tính trong năm lớn hơn số phụ thu phải nộp thì số phụ thu nộp thừa được trừ vào số phụ thu phải nộp của lần nộp phụ thu tạm tính tiếp theo hoặc làm thủ tục hoàn phụ thu nộp thừa theo quy định về hoàn thuế của pháp luật về quản lý thuế hiện hành.

- Nếu số phụ thu tạm tính trong năm ít hơn số phụ thu phải nộp thì người nộp phụ thu phải nộp đủ số phụ thu còn thiếu vào Kho bạc nhà nước cùng với thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu.

Điều 8. Miễn thu phụ thu

Đối với các dự án dầu khí cần khuyến khích đầu tư cao hơn ưu đãi thu phụ thu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 100/2009/NĐ-CP, chủ đầu tư dự án hoặc người nộp phụ thu phải đề nghị bằng văn bản kèm theo bản thuyết minh (nêu rõ sự cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định miễn thu phụ thu đối với dự án; số liệu tính toán cụ thể và sự tác động của việc thu phụ thu đối với dự án theo quy định của Nghị định số 100/2009/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này) về Bộ Tài chính để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

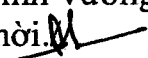
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Khoản phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng được hạch toán vào tiểu mục mới 3706 “Phụ thu về lãi dầu, khí của nhà thầu” nằm trong Mục 3700 “Thu chênh lệch giá hàng xuất khẩu, nhập khẩu và các khoản phụ thu”.

3. Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng không quá 20% của giá cơ sở của năm tương ứng thì người nộp phụ thu vẫn thực hiện khai hồ sơ phụ thu tạm tính và quyết toán phụ thu theo hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Các hợp đồng dầu khí đã ký hoặc chưa được ký nhưng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2010 thì không áp dụng thu phụ thu theo quy định tại Nghị định số 100/2009/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này. Đối với dự án dầu khí thực hiện đàm phán ký kết hoặc ký kết lại hợp đồng dầu khí kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 thì áp dụng thu phụ thu theo quy định tại Nghị định số 100/2009/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Khoản phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng đã nộp của nhà thầu được xác định là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế nếu nhà thầu thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp nhà thầu thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế giá trị gia tăng mà nhà thầu nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) và khoản phụ thu này.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn Dầu khí VN;
- Sở TC, Cục Thuế, Kho bạc NN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH

[01] Quý thứ ... năm 20...

[02] Người nộp phụ thu:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Hợp đồng dầu khí lô:

[06] Giấy phép đầu tư số: ngày: Do Bộ KH&ĐT cấp:

[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:

[10] Tài khoản tiền gửi số: mở tại NH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mã số	Giá trị
1	Sản lượng dầu lõi được chia theo quý thứ ... năm 20... tạm tính		[11]	
2	Giá cơ sở của năm 20...		[12]	
3	Giá bán dầu thô trung bình của quý thứ ... năm 20...		[13]	
4	Số phụ thu tạm tính của quý thứ ... năm 20...:			
4.1	Đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư:		[14]	
	$[14] = 30\% * \{ [13] - 1,2 * [12] \} * [11]$			
4.2	Đối với các dự án dầu khí không thuộc khoản 4.1:			
	a) Trường hợp $\{ 1,2 * [12] \} < [13] \leq \{ 1,5 * [12] \}$:		[15]	
	$[15] = 50\% * \{ [13] - 1,2 * [12] \} * [11]$			
	b) Trường hợp $[13] > \{ 1,5 * [12] \}$:			
	- Phụ thu theo mức 50% $[16] = 50\% * \{ 1,5 * [12] - 1,2 * [12] \} * [11]$		[16]	
	- Phụ thu theo mức 60% $[17] = 60\% * \{ [13] - 1,5 * [12] \} * [11]$		[17]	
5	Số phụ thu tạm tính phải nộp:		[18]	
	a) Đối với trường hợp thuộc khoản 4.1: $[18] = [14]$			
	b) Đối với trường hợp thuộc điểm a khoản 4.2: $[18] = [15]$			
	c) Đối với trường hợp thuộc điểm b khoản 4.2: $[18] = [16] + [17]$			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP PHỤ THU hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHỤ THU
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: Chỉ tiêu [13] do người nộp phụ thu tự xác định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU
ĐỐI VỚI DỰ ÁN DẦU KHÍ KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ
[01] Năm 20...

[02] Người nộp phụ thu:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Hợp đồng dầu khí lô:

[06] Giấy phép đầu tư số:ngày:Do Bộ KH&ĐT cấp:

[07] Điện thoại:[08] Fax:[09] Email:

[10] Tài khoản tiền gửi số: mở tại NH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mã số	Giá trị
1	Giá cơ sở của năm 20...		[11]	
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý của năm 20...			
	a) Quý I:		[12]	
	b) Quý II:		[13]	
	c) Quý III:		[14]	
	d) Quý IV:		[15]	
3	Giá bán dầu thô trung bình quý của năm 20...			
	a) Quý I:		[16]	
	b) Quý II:		[17]	
	c) Quý III:		[18]	
	d) Quý IV:		[19]	
4	Số phụ thu phải nộp theo quý của cả năm 20...:		[20]	
	a) Quý I: $[21] = 30\% \{ [16] - 1,2 * [11] \} * [12]$		[21]	
	b) Quý II: $[22] = 30\% \{ [17] - 1,2 * [11] \} * [13]$		[22]	
	c) Quý III: $[23] = 30\% \{ [18] - 1,2 * [11] \} * [14]$		[23]	
	d) Quý IV: $[24] = 30\% \{ [19] - 1,2 * [11] \} * [15]$		[24]	
	e) Cả năm...: $[20] = [21] + [22] + [23] + [24]$			
5	Số phụ thu tạm tính đã nộp của cả năm 20...:		[25]	
	a) Quý I		[26]	
	b) Quý II		[27]	
	c) Quý III		[28]	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mã số	Giá trị
	d) Quý IV		[29]	
	e) Cả năm 20...: $[25] = [26] + [27] + [28] + [29]$			
6	Số phụ thu nộp thừa của năm trước (nếu có)		[30]	
7	Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong năm 20...:		[31]	
	$[31] = [20] - [25] - [30]$			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP PHỤ THU hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHỤ THU
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

[01] Năm 20...

[02] Người nộp phụ thu:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Hợp đồng dầu khí lô:

[06] Giấy phép đầu tư số:ngày:Do Bộ KH&ĐT cấp:

[07] Điện thoại:[08] Fax:[09] Email:

[10] Tài khoản tiền gửi số: mở tại NH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mã số	Giá trị
1	Giá cơ sở của năm 20...		[11]	
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý của năm 20...			
	a) Quý I:		[12]	
	b) Quý II:		[13]	
	c) Quý III:		[14]	
	d) Quý IV:		[15]	
3	Giá bán dầu thô trung bình quý của năm 20...			
	a) Quý I:		[16]	
	b) Quý II:		[17]	
	c) Quý III:		[18]	
	d) Quý IV:		[19]	
4	Số phụ thu phải nộp theo quý của cả năm 20...:		[20]	
4.1	Quý I: [21] = [22] hoặc [25]		[21]	
	a) Trường hợp $\{1,2*[11]\} < [16] \leq \{1,5*[11]\}$:		[22]	
	$[22] = 50%*\{[16]-1,2*[11]\}*[12]$			
	b) Trường hợp $[16] > \{1,5*[11]\}$:			
	- Phụ thu theo mức 50% $[23] = 50%*\{1,5*[11]-1,2*[11]\}*[12]$		[23]	
	- Phụ thu theo mức 60% $[24] = 60%*\{[16]-1,5*[11]\}*[12]$		[24]	
	- Cả quý: $[25] = [23]+[24]$		[25]	
4.2	Quý II: [26] = [27] hoặc [30]		[26]	
	a) Trường hợp $\{1,2*[11]\} < [17] \leq \{1,5*[11]\}$:		[27]	
	$[27] = 50%*\{[17]-1,2*[11]\}*[13]$			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mã số	Giá trị
	b) Trường hợp $[17] > \{1,5*[11]\}$:			
	- Phụ thu theo mức 50% $[28] = 50% * \{1,5*[11] - 1,2*[11]\} * [13]$		[28]	
	- Phụ thu theo mức 60% $[29] = 60% * \{[17] - 1,5*[11]\} * [13]$		[29]	
	- Cả quý: $[30] = [28] + [29]$		[30]	
4.3	Quý III: $[31] = [32]$ hoặc $[35]$		[31]	
	a) Trường hợp $\{1,2*[11]\} < [18] \leq \{1,5*[11]\}$:		[32]	
	$[32] = 50% * \{[18] - 1,2*[11]\} * [14]$			
	b) Trường hợp $[18] > \{1,5*[11]\}$:			
	- Phụ thu theo mức 50% $[33] = 50% * \{1,5*[11] - 1,2*[11]\} * [14]$		[33]	
	- Phụ thu theo mức 60% $[34] = 60% * \{[18] - 1,5*[11]\} * [14]$		[34]	
	- Cả quý: $[35] = [33] + [34]$		[35]	
4.4	Quý IV: $[36] = [37]$ hoặc $[40]$		[36]	
	a) Trường hợp $\{1,2*[11]\} < [19] \leq \{1,5*[11]\}$:		[37]	
	$[37] = 50% * \{[19] - 1,2*[11]\} * [15]$			
	b) Trường hợp $[19] > \{1,5*[11]\}$:			
	- Phụ thu theo mức 50% $[38] = 50% * \{1,5*[11] - 1,2*[11]\} * [15]$		[38]	
	- Phụ thu theo mức 60% $[39] = 60% * \{[19] - 1,5*[11]\} * [15]$		[39]	
	- Cả quý: $[40] = [38] + [39]$		[40]	
4.5	Số phụ thu phải nộp cả năm 20...: $[20] = [21] + [26] + [31] + [36]$			
5	Số phụ thu tạm tính đã nộp của cả năm 20...:		[41]	
	a) Quý I		[42]	
	b) Quý II		[43]	
	c) Quý III		[44]	
	d) Quý IV		[45]	
	e) Cả năm 20...: $[41] = [42] + [43] + [44] + [45]$			
6	Số phụ thu nộp thừa của năm trước (nếu có)		[46]	
7	Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong năm 20...:		[47]	
	$[47] = [20] - [41] - [46]$			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP PHỤ THU hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHỤ THU
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số: 04/PTHU-DK
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 22/2010/TT-BTC ngày
 12/02/2010 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC
 [01] Năm 20...
 (Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu)

[02] Người nộp phụ thu:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Ngày tháng	Số lượng dầu thô khai thác	Số lượng dầu thô bán	Giá bán	Ghi chú
1					
2					
3					
4				
		Tổng cộng			

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP PHỤ THU hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHỤ THU
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số: **05/PTHU-DK***(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2010/TT-BTC ngày 12/02/2010 của Bộ Tài chính)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP**

[01] Năm 20...

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu)

[02] Người nộp phụ thu:

[03] Mã số thuế:

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp	Ghi chú
1			
2			
3			
4		
	Tổng số		

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP PHỤ THU hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHỤ THU

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)